TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **239**/2019/QĐST-DS	*Tân Phú, ngày 13 tháng 8 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 497/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1944 ;
Địa chỉ: phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh .
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Quốc V – sinh năm 1965
Địa chỉ: phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh .
Văn bản ủy quyền: Số 003275 ngày 20/3/2019

Bị đơn: Ông Trần Văn S - sinh năm 1956;
Địa chỉ: phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông S: Ông Nguyễn Văn H là luật sư công ty P, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị N – sinh năm 1953

Địa chỉ : phường Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm A – sinh năm 1961

Địa chỉ : phường Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Lâm Quốc V - sinh năm 1965

Địa chỉ: phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh .

Văn bản ủy quyền: Số 003275 ngày 20/3/2019.

3/ Bà Trần Thị Mai H- sinh năm 1958

Địa chỉ: phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nguồn gốc nhà đất: Nhà và đất tại địa chỉ phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9183/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Văn T (chết năm 1985) và bà Nguyễn Thị S (chết năm 1995) do ông Trần Văn S (con) đại diện đứng đơn khai trình.

2.2 Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị S có 05 người con gồm: Ông Trần Văn H, bà Trần Thị N (chết năm 2014), bà Trần Thị N1, Ông Trần Văn T, ông Trần Văn S. Các ông bà đồng xác nhận không biết ông T ở đâu.

2.3 Xác định di sản thừa kế: Nhà và đất tại địa chỉ phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9183/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2.4 Xác định hàng thừa kế thứ nhất: Ông Trần Văn H, ông Trần Văn T, ông Phạm A là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn S.

Ông Trần Văn H, bà Trần Thị N (chết năm 2014 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông Phạm A), bà Trần Thị N1 do ông Lâm Quốc V (là người đại diện theo ủy quyền) và ông Trần Văn S, bà Trần Thị Mai H cùng thống nhất như sau:

Phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật:

Mỗi kỷ phần là 700.000.000đồng. Ông H, bà N, ông A đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền và giao nhà cho ông S. Riêng đối với kỷ phần thừa kế là 700.000.000đồng của ông Trần Văn T, các đồng thừa kế đồng ý tạm giao cho ông S quản lý để sau này ông T quay trở về thì được hưởng theo quy định của pháp luật.

2.5 Thời hạn thanh toán:

Ông S thanh toán cho ông H số tiền 700.000.000đồng,

Ông S thanh toán cho bà N1 số tiền 700.000.000đồng,

Ông S thanh toán cho ông A số tiền 700.000.000đồng,

Hạn chót vào ngày 14/8/2019.

Kể từ ngày ông H, bà N, ông A có đơn yêu cầu thi án, mà ông S chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông S thanh toán đủ số tiền cho ông H, bà N, ông A thì ông S, bà H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với nhà đất tại địa chỉ phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9183/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H là nguyên đơn; ông Trần Văn S là bị đơn; bà Trần Thị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, các ông bà thuộc diện người cao tuổi được quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 (Trên 60 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, ông S, bà N1 được miễn án phí.

Ông Phạm A phải chịu án phí với số tiền 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q.Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương